

# QUÁ TRÌNH BIẾN ĐỔI VĂN HOÁ CỦA CỘNG ĐỒNG NGƯỜI VIỆT Ở VẠN VĨ, QUẢNG TÂY, TRUNG QUỐC

NGUYỄN THỊ PHƯƠNG CHÂM\*

**B**iến đổi văn hoá là lĩnh vực rộng lớn nên trong bài viết này chúng tôi chỉ chọn cho mình góc nhìn hẹp về sự biến đổi văn hoá của cộng đồng người Việt ở Vạn Vĩ theo hai xu hướng song hành, đan xen và bổ sung cho nhau, đó là *bảo lưu* và *hội nhập*.

Qua phân tích hai thành tố văn hoá (*Nghi lễ hôn nhân*, nghi lễ quan trọng trong các nghi lễ vòng đời người và *Hội đình*, nghi lễ quan trọng nhất trong các nghi lễ lịch tiết) của người Kinh ở Vạn Vĩ chúng ta sẽ thấy rõ hơn quá trình giao lưu và hội nhập văn hóa ở đây.

- **NGHI LỄ HÔN NHÂN**: Nghi lễ hôn nhân truyền thống của người Kinh ở Vạn Vĩ theo một trình tự mở đầu bằng tục *hát cát định tình*. Vào các đêm trăng sáng trai gái Vạn Vĩ thường cùng nhau ra bãi biển hát đối đáp, trong lúc hát nếu chàng trai có ý với cô gái nào thì hát cát hoặc ném lá cây về phía ấy, nếu cô gái ưng thuận thì

cũng đáp lại bằng việc hát cát hoặc ném lá cây về phía chàng trai. Sau đó hai người về thưa với gia đình và mỗi người tự làm một chiếc guốc hoa, nhà trai chọn người hát giỏi sang nhà gái hát tặng một bài tình ca và mang hai chiếc guốc hoa ra so, nếu hợp thành đôi thì việc hôn lễ coi như đã được sắp đặt. Nhà trai ghi tuổi của cô gái ra giấy hồng di xem bói và mang tờ giấy đó về đặt lên bàn thờ của nhà trai để kiểm nghiệm, nếu trong vòng 7 ngày trong nhà không xảy ra chuyện gì mất mát, đổ vỡ thì coi như tổ tiên nhà trai đã chấp nhận cô dâu.

Tiếp theo là *lễ đặt*, nhà trai mang mâm lễ vật (không thể thiếu đường) sang nhà gái và nhà gái thách cưới. Sự giao tiếp trong lễ này chủ yếu là lời ca tiếng hát. Trước ngày cưới từ 3-7 ngày, cô dâu khóc ba tối với cha mẹ, anh chị em ruột, họ hàng, bạn bè,... gọi là *khóc chào*. Lễ bái thần do nhà trai lo, họ sắm lễ và tiền mang ra đình nhờ ông mo. Ông mo làm lễ

\* TS. Nguyễn Phương Châm, Viện Nghiên cứu Văn hóa

và đánh một hồi trống cheo chường tên cô dâu chú rể cho thần linh và cả làng chứng giám. Trước ngày cưới 1 ngày, nhà trai làm lễ *đưa gánh* (gánh lễ vật, thường từ 1-3 gánh) sang nhà gái. Lễ vật khá nhiều cả chủng loại và số lượng nhưng cũng không thể thiếu đường và tiền (cả số tiền lớn gọi là tiền “mua dâu” và tiền nhỏ cho vào nhiều loại phong bao). Nhà gái dùng tiền mua dâu để sắm đồ cho con gái. Trong lễ này hai nhà cùng nhau thi tài hát đối đáp. Quá trình hôn lễ tiếp tục với lễ *nhân thân*: Chú rể làm lễ bế trầu (dâng trầu) cho bố mẹ, họ hàng bên gái và hai gia đình trở tài hát đối đáp.

*Lễ cưới* cô dâu trang điểm cẩn thận, vấn khăn nhiều, đi hài đỏ thấp, mặc áo nhiều lớp, ngoài cùng là áo dài khuy chéo màu đỏ, tiếp đến áo cánh trắng và không thể thiếu yếm thêu, nếu trời lạnh mặc thêm áo kép đỏ, khăn trùm mặt đỏ có thêu và trang trí tua rua. Chú rể mặc bộ áo the, khăn xếp, đi giày vải thấp. Ngày cưới là ngày của lời ca tiếng hát, đón đưa dâu, xin dâu, mời trầu, mời trà, mời rượu, chúc mừng cô dâu chú rể,... đều bằng tiếng hát. Những nghi thức quan trọng trong ngày cưới là đoàn đón dâu của nhà trai phải có người hát giỏi để hát thắng qua ba chặng chằng dây vào nhà gái, anh hoặc em trai cô dâu công cô dâu ra cửa về nhà chồng, cô dâu làm lễ dâng trà bái đường khi về đến nhà trai. Sau ngày cưới cô dâu làm lễ *bé nước rửa mặt* và đồng khăn cho từng thành viên trong gia đình nhà chồng và làm lễ *lại mặt* tại nhà gái khép lại trình tự nghi lễ trong âm vang của lời ca tiếng hát.

Toàn bộ trình tự nghi lễ như chúng tôi vừa sơ lược mô tả được người Kinh ở Vạn Vĩ hiện nay coi là nghi lễ hôn nhân truyền thống của họ, là thuần Việt và họ tự hào về điều đó như một yếu tố văn hoá thể hiện bản sắc của dân tộc mình trên đất

Trung Quốc. Niềm tự hào đó của người dân là rất đáng trân trọng nhưng cũng cần nhận thấy ngay khi người Kinh khai phá hòn đảo này, định cư gần gũi và không lâu sau là cộng cư cùng với người Hán, Choang và một số tộc khác nữa thì quá trình giao lưu đã diễn ra dù muốn hay không muốn và dù đảo này thuộc về Việt Nam hay Trung Quốc. Đó là chưa kể người Kinh di cư đến đây đều là ngư dân vùng ven biển Bắc và Đông Bắc Việt Nam vốn đã có khá nhiều sự giao lưu văn hoá với Trung Quốc. Giao lưu, hội nhập và sáng tạo văn hoá là màu sắc chủ đạo trong nghi lễ hôn nhân của người Kinh ở Vạn Vĩ.

So với người Hán cùng định cư ở Vạn Vĩ, hôn lễ của người Kinh có khá nhiều điểm tương đồng: cùng chịu sự chi phối khá lớn của việc so tuổi, xem mệnh, kiểm nghiệm tuổi; cùng thực hiện một trình tự nghi lễ, cùng có tục thách cưới nặng, cô cưới rất nhiều mâm và nhiều món (trung bình khoảng 15 món/mâm), nhiều phong bao, cô dâu che khăn đỏ,... Sự khác biệt nằm ở các chi tiết quan trọng trong hôn lễ: Toàn bộ hôn lễ của người Kinh diễn ra trong âm vang của lời ca tiếng hát đối đáp trữ tình, hôn lễ người Hán không có hát như vậy, chỉ hôn lễ của người Kinh mới có lễ trao tặng guốc hoa cùng với bài tình ca, lễ dâng trầu của chú rể, lễ bái thần ở đình,... Người Kinh đón dâu đi bộ, người Hán đón dâu đi kiệu, cô dâu người Kinh mặc áo nhiều lớp với chiếc yếm thêu độc đáo khác hẳn sự cầu kỳ trong trang sức và váy áo như cô dâu Hán...

Chúng tôi đã tìm thấy một số biểu hiện quan trọng trong hôn lễ của người Kinh ở Vạn Vĩ không giống với người Hán cùng định cư nhưng lại giống với người Tày, Nùng, Dao hiện đang sinh sống ở miền núi phía Bắc Việt Nam vốn có nguồn gốc

từ người Choang và Hán ở Trung Quốc. Đó là tục trao lễ vật là đường cho nhà gái, kiểm nghiệm tuổi cô dâu, cô dâu dâng khăn và nước rửa mặt cho gia đình chồng sau ngày cưới, tục cô dâu làm bánh mang về biếu bố mẹ đẻ trong lễ lại mặt, lời hát gắn bó suốt hành trình nghi lễ, cô dâu được người anh hoặc em trai công ra cửa trong lễ đón dâu,...

Tuy vậy, nghi lễ hôn nhân của người Kinh ở Vạn Vĩ vẫn giữ được sợi dây liên kết chưa bao giờ đứt đoạn với nghi lễ hôn nhân truyền thống của người Việt trong nước. Vẫn tiếng Việt, vẫn những tục lệ như thách cưới, chằng dây, mâm cỗ cưới ngồi sáu người với món nem rán và bánh đa xào không thể thiếu, chiếc yếm thêu tinh tế và trang nhã trong trang phục cô dâu, những lời ca dao dân ca chan chứa... chứng tỏ dấu ấn văn hoá nơi đất Mẹ Việt Nam vẫn tồn tại bên bỉ trong hôn lễ ở đây. Là sự tổng hợp hài hoà của các yếu tố văn hoá Việt, Hán, Choang nhưng cuối cùng vẫn hiện hữu một trình tự hôn lễ của người Kinh ở Vạn Vĩ rất riêng biệt, vừa quen vừa lạ với cả người Việt và người Hán. Đó chính là sự tiếp thu đầy sáng tạo của những con người trụ lại nơi đất khách, một mặt thích nghi với văn hoá mới, mặt khác vẫn bên bỉ giữ những nét độc đáo riêng. Điều đó cũng thể hiện sự giao lưu hội nhập văn hoá ở Vạn Vĩ đã sâu sắc đến mức các tộc cộng cư đã cùng tạo ra và hưởng thụ những giá trị văn hoá chung. Có nhiều hình thức sáng tạo trên cơ sở hội nhập tiếp thu văn hoá Hán rất thông minh của người Kinh ở đây, ví như vẫn giống cô dâu Hán ở hài đỏ, khăn đỏ che mặt, kẹp tóc,... thậm chí cả áo đỏ nhưng chỉ với chiếc yếm thêu, áo cánh trắng bên trong lớp áo lụa tơ tằm đã khiến cho cô dâu người Kinh không còn giống cô dâu người Hán nữa; mặc dù cùng thực hiện

những nghi lễ như khóc chào, nhận thân, đưa gánh, bái đường,... nhưng với sự đối thoại, thể hiện tình cảm bằng lời ca tiếng hát, những lời ca dao dân ca truyền thống của dân tộc đã khiến hôn lễ của người Kinh có nét độc đáo riêng, rất khác Hán.

Trải qua thời kỳ công xã nông thôn sau Giải phóng 1949 và Cách mạng văn hoá (1966-1976), nghi lễ hôn nhân của người người Kinh ở Vạn Vĩ có một bước hội nhập sâu sắc hơn nữa với người Hán do các chính sách cào bằng văn hoá, tập thể hoá,... Cho đến thời kỳ đổi mới, nhất là từ những năm 90 trở lại đây, hàng loạt các yếu tố trong hôn lễ truyền thống được phục hồi. Tuy nhiên, sự phục hồi ấy nằm trong sự chi phối đa chiều của bối cảnh mới - bối cảnh một xã hội hiện đại và cả sự hội nhập văn hoá đã trở nên rất sâu sắc giữa các tộc cộng cư ở Vạn Vĩ, trong đó có cả việc hôn nhân giữa người Kinh và người Hán, Choang và các tộc khác đang ngày càng phổ biến nên nhiều tập tục trong hôn lễ đã một đi không trở lại, không thể phục hồi do không còn môi trường thích hợp, trong sự phát triển kinh tế và cuộc sống hiện đại hôn lễ bị ký thác nhiều những gánh nặng của động cơ cá nhân, của sự đầu tư vị thế, quan hệ, những tính toán lời lãi khiến nghi lễ giảm đi tính thiêng...

- **HỘI ĐÌNH**: diễn ra từ ngày 9/6 đến ngày 15/6 âm lịch gồm 4 lễ chính: Nghinh thần, tế thần, ngồi mâm và tống thần. Ngoài ra còn một số lễ khác như: chuyển giao ông đám, hát miếu và hát tạ thần,... Đình Vạn Vĩ có tên là *kháp đình* (đình hát) một hoạt động trọng tâm trong lễ hội đình, đó là ca hát. Theo các cụ già trong làng thì đình Vạn Vĩ đã có ngay từ khi người Kinh đến đất này lập làng, đình của họ "không kém gì đình làng Trà Cổ" (cụ Nguyễn Chiến Dư, 92 tuổi). Nhưng trong

phong trào xây dựng nông thôn mới những năm 1950 đình đã bị phá bỏ và trong suốt thời kỳ Cách mạng văn hoá và sau đó nữa không ai dám nghĩ đến việc dựng lại đình. Cho đến tận năm 1984 trong công cuộc đổi mới và khôi phục các giá trị văn hoá truyền thống, đình Vạn Vĩ mới được dựng lại và năm 2001 được xây lại bề thế như hiện nay.

Đình Vạn Vĩ thờ 5 vị thần, biểu trưng bằng 5 ngai thờ theo thứ tự từ cao nhất xuống thấp nhất từ trái qua phải: Bạch Long trấn hải Đại vương, Cao Sơn thượng đẳng thần Đại vương, Đức Thánh Tổ Quảng Trạch đại vương, Đức Vua Diêm Tước thân vũ Anh linh đại vương, Đức vua Trần Triều. Ban thờ nhỏ thẳng với khám thờ chính nhưng thấp hơn thờ vị anh hùng của Kinh tộc Đỗ Quang Huy, 2 bên tả hữu của khám thờ chính có 2 ban thờ Tả chiêu và Hữu mục thờ thập nhị gia tiên, kế ngay cạnh khám thờ chính còn có ban thờ gọi là Bàn Nguyễn thờ ông tổ họ Nguyễn là Nguyễn đại tướng quân và em gái Đạo Hồng công chúa (có công dựng đình đầu tiên). Nằm trong không gian tổ chức lễ hội, còn có 7 ngôi miếu cũng lần lượt được tu sửa hoặc dựng lại từ đầu những năm 90 trở lại đây: *Miếu Bản cảnh thành hoàng*, *Miếu Sáu vị châu Bà*, *Miếu Ông* (còn gọi là miếu Lục vị linh quan), *Miếu Bà*, *Miếu Cao Sơn*, *Miếu Thị khâu nam phương*, *Miếu Thị khâu đông phương*.

Người dân Vạn Vĩ luôn tỏ rõ niềm tự hào của họ về các vị thần được thờ trong đình vì theo họ đó đều là những vị thần bản địa của dân tộc Kinh. Có mối liên hệ khá gần gũi về tâm linh giữa Vạn Vĩ và Đồ Sơn cũng như cả dải ven biển phía Đông Bắc Việt Nam thông qua các vị thần được thờ. Cả Đồ Sơn, Trà Cổ và Vạn Vĩ cùng thờ một vị thần thành hoàng là thần

Diêm Tước, cùng thờ vị thần biển ở Đồ Sơn là Nam Hải Đại Vương, ở Trà Cổ và Vạn Vĩ là Trấn Hải Đại Vương. Đình làng Quan Lạn (Vân Đồn, Quảng Ninh) cũng thờ các vị thần giống như ở Vạn Vĩ. Các làng này còn cùng thờ các vị có công đầu tiên trong việc khai phá lập làng. Đồ Sơn thờ lục vị tiên công tương truyền là sáu vị đại diện cho sáu dòng họ đầu tiên có công lập làng, ở Trà Cổ thờ các vị tiên hiền ngay trong đình, ở Vạn Vĩ có ban thờ ở đình thờ 12 vị đại diện cho 12 dòng họ đến đất này đầu tiên, ngoài ra còn có miếu Lục vị linh quan có thể cũng liên quan đến việc thờ các vị tiên hiền này. Việc phụng thờ Đức Thánh Trần vốn đã rất phổ biến ở khắp nơi trên đất nước Việt Nam, ở các cộng đồng di cư và Vạn Vĩ cũng là một trong những nơi thờ vị thánh này.

Về trình tự lễ hội, hội đình Vạn Vĩ hiện nay vẫn duy trì bốn lễ chính: nghinh thần, tế thần, ngồi mâm và tống thần như lễ hội đã có từ bao đời nay.

+ **Lễ nghinh thần**: sáng ngày 9/6 với công việc quan trọng nhất là rước thần về và đóng cây đám mở hội. Đám rước với đầy đủ đội hình, màu sắc quen thuộc của một đám rước cổ truyền: cờ hội, chiêng, trống cái, trống con, mả la, hương án, phù giá, các chức sắc như ông mo, ông chúc, ông đám, quan viên, rồi đến các đào hát nhà tơ, những người diễn trò và đông đảo dân làng cùng khách thập phương xuất phát từ đình đi khoảng 800m ra đến mặt bãi hướng về phía núi Bạch Long nơi thần ngự làm lễ thỉnh thần rồi rước thần về đình. Sau khi làm lễ mời thần ngự trong đình, đoàn rước lại sắp nguyên đội hình đi khoảng 1000m ra miếu Cao Sơn rước thỉnh thần Cao Sơn về dự hội. Sau khi thần thánh đã ngự long đình, ông mo và các ông đám làm lễ đóng cây đám. Cây đám là một cây gỗ dài khoảng 4m, đường

kính 6cm sơn màu đỏ được đặt ngang trên hai hàng cột ngay trước cửa đình cách mặt đất 2m. Dân gian ở đây vẫn nói “đóng đám thờ thần” là như vậy.

+ **Lễ tế thần:** Từ buổi chiều ngày 9/6 cho đến ngày tan hội, cứ mỗi ngày có một ván tế nhưng chỉ có một ván tế chính vào 12h trưa ngày 10/6. Lễ vật để tế chính là một con lợn khoảng 80kg đặt trước ban thờ chính, 2 bên để 2 đĩa lòng gan, 3 lọ mao huyết bọc bằng giấy điều, 5 bát cháo tiết, ngoài ra còn có xôi, gà, thịt lợn luộc chín, cháo, hoa quả, bánh kẹo bày đủ trên các ban. Tham gia tế có 26 người: ông mo, ông chúc, ông thông xướng, ông đông lãnh, ông tây lãnh, ông mạnh bái, ông hoà hưng, ông bê văn, 6 ông tư văn bê rượu, 8 ông đám và 4 bà nhà tơ. Ván tế diễn ra trong khoảng 2 giờ với nhiều bước như dâng hương, dâng tiền vàng, dâng rượu, đọc văn tế, hát chúc thần. Buổi chiều và tối suốt 7 ngày hội, 4 bà nhà tơ hát chúc thần. Chính vì vậy mà đình Vạn Vi được gọi là đình hát với mong muốn hát múa làm vui lòng thần linh để thần linh phù hộ cho cả làng.

+ **Lễ ngôi mâm:** Đây là bữa cơm cộng cảm ở đình vào hai ngày cuối hội 14 và 15. Trước ngày hội, ban tổ chức lễ hội đã lên danh sách trai đình hiện có hộ khẩu chính thức ở làng được ngôi mâm và cắt cử chính xác vị trí ngôi của từng người, trừ ra những gia đình có việc tang hay có con nhỏ chưa đầy tháng. Chỗ ngôi mâm trong đình hiện vẫn theo ba hạng như xưa: “chiếu sàng quan” ngôi ở vị trí giữa đình dọc theo hai bên ban thờ thần, “chiếu trung đình” cũng ngôi dọc theo bên ban thờ nhưng lùi vào trong một hàng cột đình, “hàng bô” ngôi ở hàng cột góc đình trong cùng nhưng gọi tên khác đi theo thứ tự mâm cỗ: từ cỗ nhất đến cỗ sáu, các cỗ còn lại gọi là “hàng chân cò” tức là hạng

cuối cùng ngôi góc đình. Mọi người ăn uống vui vẻ trước các ban thờ thần cùng với lời ca tiếng hát chúc thần.

+ **Lễ tống thần:** Lễ tống thần được làm vào khoảng 10h tối ngày cuối hội 15/6 với nghi lễ quan trọng là múa bông tống thần và cắt cây đám. Sau khi các ông mo, ông thôn, ông đám đọc lời khẩn cảm ơn các vị thần đã vui hội cùng dân và trở lại nơi ngụ của họ, tất cả dân làng hô lớn lời tống thần và hát tay về phía cửa ra hiệu đưa thần. Trước ban thờ, một cô đào bắt đầu múa bông (cây bông là một khúc tre dài khoảng 60cm, trên đó dùng dao bào tre ra thành 3 lớp hoa bông lên), động tác múa xoay tròn mạnh mẽ và dứt khoát, dùng hai cây bông quét hết bốn phía, quét xung quanh ban thờ, quét dần dần ra đến cửa đình rồi vút ra ngoài coi như ma quỷ đã được quét sạch ra khỏi chốn tôn nghiêm.

Sau lễ tống thần là ngày tân hạ chính thức kết thúc hội với nghi lễ chính là hát tạ thần ở các miếu, hát tạ thần và múa đội đèn trong đình. Các bà nhà tơ và ông mo, ông chúc đi thắp hương và hát ở tất cả các miếu trong làng. Các bà nhà tơ đội trên đầu một cái mũ có 3 cây nến đang cháy, hai tay mỗi tay cầm một chén trong có một cây nến đang cháy và múa tạ thần trong khoảng 15 phút chính thức kết thúc Hội, kết thúc 8 ngày ăn chơi của người dân Vạn Vi.

Trình tự của lễ hội Vạn Vi được người dân nơi đây tự hào là “đã như vậy từ bao đời nay chỉ trừ khi không được tổ chức hoặc không có nơi tổ chức thôi” (lời của nhóm các cụ trong ban tổ chức lễ hội ngày 25/7/04). Nếu so sánh với các hội làng trong nước thì lễ hội Vạn Vi còn mang đậm màu sắc truyền thống, đặc biệt là thời gian tổ chức lễ hội kéo dài trong 8 ngày, vẫn duy trì được bữa ăn cộng cảm,

các hoạt động ca hát, và các điệu múa cổ như múa bông, múa đèn,... Nhiều phong tục trong hội đình Vạn Vĩ rất giống với hội đình Trà Cổ và Đồ Sơn, chẳng hạn như lễ vật tế thần không thể thiếu lợn nguyên con làm sạch và mao huyết (lông ở cổ và huyết của con vật cúng tế), các tục như đóng cây đám mở hội, cắt cây đám tan hội, múa bông,...

Như vậy, có sự liên hệ mang tính chất cội nguồn của lễ hội Vạn Vĩ với lễ hội ở Đồ Sơn, Trà Cổ nói riêng và lễ hội cổ truyền Việt Nam nói chung. Nhưng trong bối cảnh hiện nay, hội đình Vạn Vĩ đã có sự biến đổi cả nội dung và hình thức. Từ sau chính sách mở cửa phát triển biên giới cho đến nay Vạn Vĩ đã phát triển nhanh chóng cả về thương mại và du lịch, tham gia tích cực vào quá trình hiện đại hoá, toàn cầu hoá, dân làng trở nên giàu có. Đồng thời, chính phủ Trung Quốc có chính sách khuyến khích việc khôi phục và phát huy các giá trị văn hoá truyền thống của các dân tộc thiểu số. Các công trình nghiên cứu điều tra về văn hoá và văn hoá dân gian ở Vạn Vĩ ngày càng nhiều. Những yếu tố đó lại trùng hợp với khao khát tìm lại và phát huy bản sắc văn hoá của người Kinh ở Vạn Vĩ sau một thời gian dài "đóng băng" do chế độ công xã nông thôn, Cách mạng văn hoá và những ảnh hưởng của chúng. Tất cả những điều này đã làm bùng lên sức sống vốn tiềm tàng của các hiện tượng văn hoá cổ truyền trong đó có lễ hội. Trong điều kiện tâm lý, chính trị và kinh tế như vậy, hội đình Vạn Vĩ ngày càng được tổ chức long trọng, tuy nhiên màu sắc của lễ hội truyền thống đã phai nhạt ít nhiều nhường chỗ cho sự hội nhập văn hoá một cách thú vị.

Trong lễ hội những năm gần đây thường có một vị lãnh đạo cầm lá quốc kỳ Trung Quốc đi đầu, giữa hai hàng cờ hội

trong đám rước. Lời phát biểu chào mừng lễ hội của lãnh đạo dùng cả tiếng Việt và Hán. Ban tổ chức lễ hội mời thêm đội văn nghệ người Hán từ các nơi về góp vui cho đám rước và mời nhiều lãnh đạo trấn, thành phố về dự lễ ngôi mâm,... Một số nghi lễ trong lễ hội truyền thống vẫn được thực hành nhưng chỉ là hình thức, người dân hoặc không còn hiểu về nguồn gốc, ý nghĩa, hay những truyền thuyết liên quan, ví như việc nghi lễ đóng cây đám trong đình ngày khai hội, nếu như ở Trà Cổ cây đám được đóng ở ngang cửa đình cách mặt đất 1,5m với ý nghĩa để cho người dân ai ai vào lễ thần cũng phải cúi xuống tỏ lòng trân trọng thì ở Vạn Vĩ cây đám cũng được đóng ở vị trí như vậy nhưng lại cách mặt đất hơn 2m và không ai phải cúi cả. Nhiều người dân Vạn Vĩ không cắt nghĩa được tại sao họ lại thờ thần Điểm Tước, không biết những câu chuyện liên quan đến vị thần này vốn rất phổ biến ở Đồ Sơn, họ chỉ biết từ xưa đã thờ như vậy. Các nghi lễ như lễ tế, lễ rước, cách chọn người vào các vị trí làm lễ, sắp xếp vị trí ngôi mâm,... cũng không còn giữ được tính linh thiêng và nghiêm ngặt như trước nữa. Đã xuất hiện những sự đầu tư vị thế (những người giàu có đóng góp nhiều cho hội đình để nâng cao vị trí của họ, cả vị trí thực trong lễ ngôi mâm và sự xác lập thanh thế trong làng). Đã xuất hiện những sự không cẩn thận trong cách chọn người vào các vị trí tế lễ quan trọng (hội năm 2004 con trai của ông thôn mất chưa được 100 ngày mà ông này vẫn có vị trí quan trọng chỉ đạo và tổ chức lễ hội). Đã xuất hiện những sự lộn xộn và thiếu nghiêm túc trong khi thực hành nghi lễ của cả dân làng và những người trực tiếp thực hành nghi lễ. Và cũng đã xuất hiện thái độ thờ ơ của lớp trẻ Vạn Vĩ với hội đình... Tất cả khiến cho hội đình dù được

mở rất to nhưng lại không thu hút được toàn bộ dân làng mà nặng về “đối ngoại”.

Qua các thành tố văn hoá trên, có thể thấy sự quen thuộc của văn hoá Việt, sự thú vị của truyền thống Việt còn được lưu giữ trong cuộc sống hàng ngày và trong nghi lễ ở Vạn Vi.

Quá trình biến đổi văn hoá của người Kinh ở Vạn Vi chính là quá trình thăng trầm của một cộng đồng di cư từng bước khẳng định mình trên vùng đất mới. Truyền thống và biến đổi, bảo lưu và hội nhập, tương đồng và khác biệt là những vấn đề nổi bật trong văn hoá của người Kinh ở Vạn Vi và điều đó được minh chứng sinh động và thú vị trong nghi lễ hôn nhân và hội đình ở đây. Quá trình biến đổi văn hoá của người Kinh ở Vạn Vi qua hai thành tố văn hoá này thêm một sự chia sẻ, một sự thể hiện phong phú và sống động các chiều cạnh lý thuyết mà chúng tôi đã đề cập./.

## CHÚ THÍCH

1. Edward B. Taylor (1891), *Primitive Culture* (Văn hoá nguyên thủy), London: J. Murray.

Lewis Henry Morgan (1877), *Ancient Society* (Xã hội cổ đại), Chicago : H. Kerr

2. Rivers, W.H.R (1914), *Kinship and social organization* (Dòng họ và tổ chức xã hội), London: Constable.

3. G. Elliot Smith (1911), *The ancient Egyptians and their influence upon the civilizations of Europe* (Người Ai Cập cổ đại và ảnh hưởng của họ trong nền văn minh châu Âu), London

4. Wissler, C.L. (1923), *Man and Culture* (Con người và văn hóa), New York:

Thomas Y. Crowell company.

- Kroeber, A.L. (1925), *Handbook of the Indians of California* (Tra cứu về người da đỏ ở California), Washington.
- 5. Radcliffe Brown, A.R. (1952), *Structure and function in primitive society* (Cấu trúc và chức năng trong xã hội nguyên thủy), London: Cohen and West.
- 6. Hobsbawn, Eric and Ranger, Terence eds (2000), *Invention Traditions* (Sáng tạo truyền thống), Cambridge University Press.
- 7. Malarney, Shaun Kingsley (2002), *Culture, Ritual and Revolution in Vietnam* (Văn hoá, nghi lễ và cuộc cách mạng ở Việt Nam), Routledge Curzon, London.
- 8. Hy, Van Luong (1992), *Revolution in the village: Tradition and Transformation in North Vietnam* [Cách mạng ở làng quê: truyền thống và biến đổi ở Bắc Việt Nam], 1925 - 1988, University of Hawai Press, Honolulu.
- 9. Nguồn gốc Đồ Sơn và thời điểm di cư của người Kinh ở Vạn Vi đã được ghi trong nhiều cuốn sách đã xuất bản cả của Trung Quốc và Việt Nam như:
  - Tô Duy Quang, Qua Vi, Vi Kiên Bình (1993), *Lịch sử văn học dân tộc Kinh*, Nxb Giáo dục Quảng Tây.
  - Tổ biên soạn lịch sử (1984), *Giản sử Kinh tộc*, Nxb Dân tộc Quảng Tây,
  - *Văn hoá dân gian làng ven biển*, Viện Nghiên cứu Văn hoá dân gian, Nxb Văn hoá dân tộc, 2000.
- 10. Về Hiệp định này đọc bài của Ngô Văn Hoà (2004), "*Việc hoạch định biên giới Việt Nam - Trung Quốc hồi cuối thế kỷ XIX*", Xưa và Nay, 211(5), tr. 19-21.
- 11. Cheung Siu-woo in *Where China meets Southeast Asia, Social & Cultural Change in the border regions* (Nơi Trung Quốc gặp gỡ Đông Nam Á), Grant Evans, Christopher Hutton, Kuah Khun Eng edited, New York, 2000.